TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **66/**2018/QĐST-DS	*Gò Công Đông, ngày 15 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 27/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Đỗ Văn M,** sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phan Thị Thúy K, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: ấp B1, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn M số tiền vay còn nợ gồm tiền vốn và tiền lãi là: **25.000.000 đồng** (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Trả làm hai lần, thời gian trả cụ thể như sau:

+ Lần 01: Ngày 01/10/2018, trả 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Lần 02: Ngày 01/5/2019, trả 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Khi chị T trả đủ số tiền trên cho ông M, ông M có nghĩa vụ trả lại chị T 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02139 ngày 26/8/2014 do Uỷ ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho chị Nguyễn Thị T (bản chính).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 625.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) nhưng chị T thuộc hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị T được miễn ½ án phí đối với phần mà chị phải chịu là 312.500đ (*Ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*). Như vậy, chị T phải chịu ½ phần án phí còn lại là **312.500đ** (*Ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

+ Hoàn lại ông M số tiền tạm ứng phí đã nộp là **775.000đ** (*Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 45560 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy An